

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BC
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 524/2024/DS-ST

Ngày: 30-07-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền.

2. Ông Võ Hoàng Thu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thành, thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố H.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố H tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2021/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, căn cứ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 403/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 367/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các bên đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng X, gọi tắt là (Ngân hàng X).

Địa chỉ trụ sở: Toà tháp A, phường M, quận N, Thành phố X.

Địa chỉ liên lạc: Số B, phường T, Quận C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật bà S, chức vụ Tổng giám đốc. Ủy quyền cho người Đại diện theo ủy quyền ông A - chức vụ Trưởng bộ phận thu hồi nợ - Tổng giám đốc. Ủy quyền cho ông H hoặc ông M; cùng địa chỉ Số B, Phường T, Quận C, Thành phố H. Theo giấy ủy quyền số 466/LC-SCBVL 21 ngày 15 tháng 3 năm 2021. (Ông Hòa có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thái N, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú tại: Tổ A, ấp B xã BH, huyện BC, Thành phố H (Ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn Ngân hàng X có đại diện hợp pháp là ông H trong quá trình giải quyết vụ án trình bày như sau:

Ngân hàng X - bên cho vay; ông Nguyễn Thái N là bên vay, có ký hợp đồng tín dụng căn cứ vào hồ sơ Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 11/09/2018 (Khoản vay

229.000.000 đồng). Căn cứ bản các Điều Khoản và Điều Kiện Khoản Vay Tiêu Dùng Cá Nhân và các tài liệu khác kèm theo hồ sơ tín dụng của ông Nguyễn Thái N, Ngân hàng X đã cấp tín dụng cho ông Nguyễn Thái N theo chi tiết như sau: Khoản vay số 1141996; Số tiền vay là: 229.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu đồng); Số tiền giải là: 229.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu đồng); Ngày giải ngân 27/09/2018; Thời hạn vay 60 tháng (Đến ngày 18/09/2023); Mục đích là Vay tiêu dùng; Lãi suất vay được quy định, Lãi suất trong hạn là: 21%/ năm; Lãi suất quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng từ ngày giải ngân: ngày 27/9/2018 đến nay, ông Nguyễn Thái N đã thanh toán cho Ngân hàng X tổng số tiền là 62.219.060 đồng. Trong đó: thanh toán nợ gốc: 32.089.152 đồng, thanh toán nợ lãi trong hạn: 30.050.014 đồng, thanh toán nợ lãi quá hạn :79.894 đồng. (Chi tiết đính kèm trong hồ sơ).

Quá trình vi phạm hợp đồng tín dụng: Trong quá trình cho vay, ông Nguyễn Thái N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (Thanh toán không đầy đủ khoản nợ hàng tháng kể từ sau kỳ tháng 07/2019). Do đó, ngày 21/01/2021 Ngân hàng X đã gửi Thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn để yêu cầu ông Nguyễn Thái N thanh toán toàn bộ dư nợ còn thiếu của khoản vay. Tuy nhiên, đến nay ông Nguyễn Thái N vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với số nợ còn lại.

Hiện nay, ông Nguyễn Thái N còn nợ tổng số tiền như sau (lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 30/07/2024). Nợ gốc là 196.910.848 đồng; Nợ lãi trong hạn là 27.551.968 đồng; Lãi phạt và phí là: 652.846 đồng; Tổng dư nợ: 225.115.662 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm mười lăm nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng).

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn Ngân hàng X, có đại diện hợp pháp là ông H đề nghị Tòa án xét xử buộc: Ông Nguyễn Thái N trả cho Ngân hàng X tổng số nợ còn thiếu (gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn) là 225.115.662 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm mười lăm nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 196.910.848 đồng, nợ lãi là 27.551.968 đồng, lãi phạt và phí là 652.846 đồng. Ngoài ra, ông Nguyễn Thái N còn phải thanh toán cho Ngân hàng X tiền lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất tính trong hạn quy định đối với khoản vay của ông Nguyễn Thái N (tương đương 31.5%/ năm) tính trên dư nợ gốc thực tế thanh toán của khoản vay kể từ sau ngày ban hành Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi ông Nguyễn Thái N hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

* *Bị đơn ông Nguyễn Thái N:* Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nên Tòa án không ghi nhận được lời khai.

Xét thấy tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BC Thành phố H có ý kiến sau: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng. Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 BLTTDS. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đúng qui định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án:

Bởi các lẽ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Ông Nguyễn Thái N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Theo nội dung đơn khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng X, khởi kiện và xác định là khởi kiện bị đơn là ông Nguyễn Thái N yêu cầu Tòa án xử buộc ông N phải trả ngay cho Ngân hàng X. Tổng số nợ còn thiếu (gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn) là 225.115.662 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm mười lăm nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng). Ngoài ra, ông Nguyễn Thái N còn phải thanh toán cho Ngân hàng X tiền lãi chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất tính trong hạn quy định đối với khoản vay của ông Nguyễn Thái N (tương đương 31.5%/ năm) tính trên dư nợ gốc thực tế thanh toán của khoản vay kể từ sau ngày ban hành Bản án/ Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi ông Nguyễn Thái N hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Do bị đơn ông N hiện có địa chỉ tại: Tổ A, ấp B xã BH, huyện BC, Thành phố H. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 do đó vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố H.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- *Xét thấy quan hệ tranh chấp:* Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” hợp đồng được xác lập vào thời điểm năm 2018. Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 tại Điều 688 quy định “ 1. Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực pháp luật thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau:c) *Giao dịch dân sự đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11(Bộ luật Dân sự 2005) và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để giải quyết*”. Do đó vẫn phải áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật các tổ chức tín dụng; Luật Ngân hàng và các quy định của pháp luật hiện hành làm căn cứ giải quyết vụ án.

- *Xét thời hiệu khởi kiện:* Căn cứ giao dịch vào nội dung của Đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 11/09/2018 (Khoản vay 229.000.000 đồng), căn cứ Các Điều Khoản và Điều Kiện Khoản Vay Tiêu Dùng Cá Nhân và các tài liệu khác kèm theo hồ sơ tín dụng của ông Nguyễn Thái N, Ngân hàng X đã cấp tín dụng cho ông Nguyễn Thái N theo chi tiết như sau: Khoản vay số 1141996; Số tiền vay là: 229.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu đồng); Số tiền giải là: 229.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu đồng); Ngày giải ngân 27/09/2018; Thời hạn vay 60 tháng (Đến ngày 18/09/2023); Mục đích là

Vay tiêu dùng; Lãi suất vay được quy định, Lãi suất trong hạn là: 21%/ năm.; Lãi suất quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ các Điều 146, 149, 150 của Bộ luật Dân sự năm 2015; tại Điều 150 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “...3. *Thời hiệu khởi kiện là thời hiệu mà chủ thể được khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện*”; và nguyên đơn đã thực hiện yêu cầu đòi nợ liên tục nay khởi kiện là vẫn còn thời hiệu nên Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố H thụ lý là đúng quy định. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Xét sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Thái N*: Xét việc vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Thái N, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn ông N đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải và kèm theo là tổng đạt giấy triệu tập đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định nhưng ông N vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc tiến hành niêm yết theo thủ tục xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại các Điều 170, 171, 172, 173, 174, 177, 181, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 theo thủ tục chung.

[3]. Xét về nội dung tranh chấp:

- *Xét về nội dung khởi kiện*: Ngân hàng X khởi kiện tại phiên tòa do ông H xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn bên vay ông Nguyễn Thái N phải trả số tiền còn nợ tổng số tiền như sau (lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 30/07/2024): Nợ gốc là 196.910.848 đồng; Nợ lãi trong hạn là 27.551.968 đồng; Lãi phạt và phí là: 652.846 đồng; Tổng dư nợ: 225.115.662 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm mười lăm nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng) do ông N vi phạm hợp đồng. Ngoài ra, ông N còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 30/07/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. ***Là có cơ sở chấp nhận. Bồi lẽ.***

- *Xét về chứng cứ*: Là đơn xác lập quan hệ khách hàng ký ngày 11/09/2018 (Khoản vay 229.000.000 đồng), căn cứ bản các Điều Khoản và Điều Kiện Khoản Vay Tiêu Dùng Cá Nhân và các tài liệu khác kèm theo hồ sơ tín dụng của ông Nguyễn Thái N. Ngân hàng X đã cấp tín dụng cho ông Nguyễn Thái N theo chi tiết như sau: Khoản vay số 1141996; Số tiền vay là: 229.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu đồng); Ngày giải ngân: 27/09/2018; Thời hạn vay 60 tháng (Đến ngày 18/09/2023); Mục đích là Vay tiêu dùng; Lãi suất vay được quy định, Lãi suất trong hạn là: 21%/ năm; Lãi suất quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn. Căn cứ Bộ luật Dân sự 2015 tại các Điều 118, 119. Điều 119 quy định tại “1. *Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể*”. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thái N phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 30/07/2024 là tổng số nợ còn thiếu là 225.115.662 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm mười lăm nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 196.910.848 đồng, nợ lãi là 27.551.968 đồng, lãi phạt và phí là 652.846 đồng; do ông N đã vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Ngoài ra ông N còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 30/07/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là phù hợp. Căn cứ các Điều

463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại Điều 463 quy định Hợp đồng vay tài sản *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận của các bên, theo đó bên vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả lại cho bên cho vay tài sản và lãi suất nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*. Điều 466 quy định nghĩa vụ trả nợ cho bên vay *“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; 5. Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc không trả đủ thì bên vay phải trả lãi”*.

Do vậy, nay nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thái N phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số vốn và lãi là tổng số nợ còn thiếu là 225.115.662 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm mười lăm nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc là 196.910.848 đồng, nợ lãi là 27.551.968 đồng, lãi phạt và phí là 652.846 đồng và lãi phát sinh quy định tại Hợp đồng ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ phù hợp các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Xét bị đơn ông Nguyễn Thái N trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng bị đơn ông N vẫn không đến để trình bày ý kiến. Như vậy đủ cơ sở kết luận ông N không thiện chí hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật là phù hợp. Ngoài ra ông N không đến trình bày ý kiến nên không đưa ra chứng cứ khác để chứng minh cho phần trình bày của mình là có cơ sở. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định *“...Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra chứng cứ hoặc không đưa đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án”* nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

- *Xét về thời gian trả nợ*: Xét thấy số nợ đã quá lâu phần nào gây khó khăn nguyên đơn Ngân hàng X nên yêu cầu bị đơn phải trả ngay số tiền này một lần khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông Nguyễn Thái N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả là 225.115.662 đồng, (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm mười lăm nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng) x 5% = 11.255.783 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng). Ông N nộp.

Nguyên đơn Ngân hàng X không phải nộp án phí được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.627.892 đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm chín mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0081558, ngày 25/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố H.

[5]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 68, 70, 71, 91, 147, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 118, 119, 146, 149, 150, 463, 466, 151, 468, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Căn cứ vào các Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào các Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyên đơn Ngân hàng X, có đại diện hợp pháp là ông H.

2. Buộc ông Nguyễn Thái N phải trả số tiền là 225.115.662 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi lăm triệu một trăm mười lăm nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là 196.910.848 đồng, nợ lãi là 27.551.968 đồng, lãi phạt và phí là 652.846 đồng; Ngoài ra ông N còn có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 30/07/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất phát sinh theo qui định tại Hợp đồng

3. Thi hành việc trả tiền là một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Thái N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

5. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Thái N phải nộp là 11.255.783 đồng (mười một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng X không phải nộp án phí được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.627.892 đồng (năm triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm chín hai đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0081558, ngày 25/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC, Thành phố H.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự nguyên đơn Ngân hàng X và bị đơn ông Nguyễn Thái N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- CCTHADS H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.



Lại Phước Trường